TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/KDTM-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Long

2. Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Lâm Minh Thư – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2021/TLST-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295/2022/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 263/2022/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Sản xuất nhãn mác N;

Địa chỉ: Số 41 Đường số 4, khu dân cư Park Hills City Land, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn Bình, sinh năm 1982 (Theo Giấy ủy quyền ngày 19 tháng 11 năm 2021) (Vắng mặt);

Địa chỉ: Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu may mặc S (Vắng mặt);

Địa chỉ: huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Bạch C, sinh năm 1973(Vắng mặt);

Địa chỉ: Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2021 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn Bình trình bày:

Vào ngày 09/11/2020, Công ty TNHH sản xuất nhãn mác N (sau đây gọi là Công ty N) và Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu May mặc S (sau đây gọi là Công ty S) có ký Hợp đồng nguyên tắc số 01/2020-21/NQ-S cung cấp các loại nhãn in, thẻ treo, nhãn dệt theo yêu cầu kỹ thuật, quy cách do Công ty S chỉ định.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N đã thực hiện đầy đủ những thỏa thuận của hợp đồng, sản xuất các loại nhãn in, thẻ treo, nhãn dệt và đã giao hàng đầy đủ, xác nhận công nợ nhưng tính đến thời điểm hiện nay Công ty S chưa thanh toán số nợ gốc căn cứ Bảng kê công nợ ngày 31/5/2021 (Công ty S xác nhận công nợ và Giám đốc công ty đã ký xác nhận) là: 80.411.941 đồng và tiền lãi suất phát sinh do chậm thanh toán được tính cụ thể được tính là 12%/năm theo Điều 306 Luật Thương mại.

Công ty N đã Công văn số 0109/CV-NQ ngày 17/9/2021đề nghị công ty S thanh toán khoản nợ và lãi chậm thanh toán nhưng vẫn cố tình không thanh toán. Do đó, Công ty N yêu cầu: Buộc Công ty S thanh toán số tiền 84.512.950 đồng gồm nợ gốc: 80.411.941 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/06/2021 đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, tạm tính đến ngày 19/7/2022 là: 11.096.848đồng.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Công ty N do ông Lê Văn Bình đại diện theo uỷ quyền và bị đơn Công ty S vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ các hoá đơn giá trị gia tăng 0001807; 0002497; 0002272; 0002039; 0002263; 0002497; Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/5/2021 và Công văn số

0109/CV-NQ ngày 17/9/2021 và trình bày của nguyên đơn có cơ sở xác định giữa Công ty N và Công ty S có thoả thuận Công ty N sản xuất các loại mác nhãn theo yêu cầu của Công ty S và Công ty N đã giao hàng, xuất hoá đơn giá trị gia tăng các đợt hàng nhưng Công ty S không thanh toán. Mặc dù đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Công ty S không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình đối với số nợ 80.411.941đồng. Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Công ty N khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá với bị đơn Công ty S có trụ sở chính tại số huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là *"tranh chấp hợp đồng mua bán"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Văn Bình có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 29/9/2022; Bị đơn Công ty S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình, cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc là 80.411.941 đồng theo Hoá đơn giá trị gia tăng 0001807; 0002497; 0002272; 0002039; 0002263; 0002497:

Theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/2020-21/NQ-S ngày 09/11/2020 thì

nguyên đơn cung cấp cho bị đơn các loại nhãn in, thẻ treo, nhãn dệt theo yêu cầu kỹ thuật, quy cách do bị đơn chỉ định; Bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền hàng và VAT trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoá đơn.

Nguyên đơn tiến hành giao hàng hoá và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên bị đơn, cụ thể là Hoá đơn giá trị gia tăng số 0001807 ngày 24/12/2020; 0002497 ngày 29/4/2021; 0002272 ngày 30/3/2021; 0002039 ngày 29/01/2021; 0002263 ngày 26/3/2021; 0002497 ngày 29/4/2021 với tổng giá trị là 136.411.941 đồng.

Theo Bảng kê công nợ đến 31/5/2021 thì ngày 08/3/2021, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 14.069.000đồng và 41.931.000đồng, bị đơn còn nợ 80.411.941 đồng chưa thanh toán; Bị đơn đã xác nhận vào phần xác nhận công nợ tại Bảng kê công nợ đến 31/5/2021 và đến ngày 17/9/2021, nguyên đơn đã có Công văn số 0109/CV gửi cho bị đơn nhưng bị đơn không thanh toán số nợ này cho nguyên đơn cho đến nay.

Căn cứ thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và Điều 50 Luật Thương mại, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 80.411.941 đồng nợ gốc theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/2020-21/NQ-S ngày 09/11/2020 và Bảng kê công nợ đến 31/5/2021 là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 12.061.791đồng đồng tiền lãi do chậm thanh toán theo lãi suất 12%/năm từ ngày 01/6/2021 đến khi Công ty S thanh toán xong, tính đến 30/9/2022 là 12.061.791đồng.

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 thì trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

Theo Thông báo lãi suất cho vay nội, ngoại tệ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành Đô, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thì lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 15,75%/năm.

Xét thấy, lãi suất 12%/năm mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận trong hợp đồng nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lãi do chậm thanh toán là có cơ sở để

chấp nhận. Do đó, tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn từ 01 tháng 6 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022 (15 tháng) theo mức lãi suất 12%/năm là 80.411.941 đồng x12%/năm/12tháng x 15 tháng = 12.061.791đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc bản án niêm yết công khai theo quy định theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất nhãn mác N:

Buộc Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu may mặc S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Sản xuất nhãn mác N số tiền 92.473.732 (Chín mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi hai) đồng gồm nợ gốc 80.411.941 (Tám mươi triệu bốn trăm mười một nghìn chín trăm bốn mươi mốt)đồng theo các Hoá đơn giá trị gia tăng số 0002272 ngày 30/3/2021; 0002039 ngày 29/01/2021; 0002263 ngày 26/3/2021; 0002497 ngày 29/4/2021 và Bảng kê công nợ đến 31/5/2021 và 12.061.791 (Mười hai triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn bảy trăm chín mươi mốt) đồng tiền lãi tính từ ngày 01/6/2021 đến 30/9/2022.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

2. Về án phí kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu may mặc S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 4.623.687(Bốn triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi bảy) đồng.

Công ty TNHH Sản xuất nhãn mác N không phải chịu kinh doanh thương mại sơ thẩm; Hoàn trả cho Công ty TNHH Sản xuất nhãn mác N số tiền 3.000.000 (Ba triệu)đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0038548 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết công khai theo quy định theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lệ Hà